

Số: 366/BC-UBND

Ia Pa, ngày 22 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO

Sơ kết 3 năm thực hiện Chương trình 60-CTr/TU, ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới

Thực hiện Công văn số 415-CV/HU ngày 06/10/2021 của Huyện ủy Ia Pa về báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Chương trình 60-CTr/TU, ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về "Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới", Ủy ban nhân dân huyện Ia Pa báo cáo kết quả, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SỐ 60-CTr/TU

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo phổ biến, quán triệt, xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình số 60-CTr/TU

- Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới" và Chương trình 60-CTr/TU, ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị phổ biến, quán triệt đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan liên quan tuyên truyền sâu rộng đến quần chúng nhân dân.

- UBND huyện đã ban hành Công văn số 768/UBND-VP ngày 27/6/2018 để chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình số 60-CTr/TU ngày 02/5/2018 của Tỉnh ủy. Đồng thời, ban hành Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2018 về thực hiện Chương trình 60-CTr/TU ngày 02/5/2018 của Tỉnh ủy Gia Lai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới. Hàng năm, lồng ghép vào nhiệm vụ, UBND huyện đều chỉ đạo các cơ quan đơn vị triển khai thực hiện có hiệu quả công tác dân số trên địa bàn, góp phần thực hiện đạt chỉ tiêu về tỷ lệ tăng dân số tự nhiên.

2. Công tác phối hợp của các cấp, các ngành trong triển khai thực hiện

Trong những năm qua, công tác phối hợp được các cơ quan, đơn vị quan tâm, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong

tình hình mới, góp phần hạn chế tỷ lệ sinh con thứ 3, chăm lo gia đình no ấm, hạnh phúc.

3. Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Trung tâm Dân số-KHHGĐ (Nay là Phòng Dân số - Trung tâm Y tế) phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể của huyện tiến hành kiểm tra, giám sát; đồng thời chỉ đạo các xã tiến hành sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện theo định kỳ 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm và các đợt triển khai chiến dịch tăng cường tuyên truyền, vận động, lồng ghép dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - KHHGĐ trên địa bàn huyện.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Ngay sau khi có Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới, Chương trình 60-CTr/TU, ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chương trình hành động số 63-CTr/HU ngày 17/8/2018, Ủy ban nhân dân huyện luôn quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện; cùng với việc xây dựng ban hành Kế hoạch đã xác định rõ các nhiệm vụ cụ thể để triển khai thực hiện trên địa bàn. Thường xuyên chỉ đạo quán triệt, phổ biến và tổ chức triển khai kịp thời các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới đến cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn huyện Ia Pa.

2. Thực hiện tuyên truyền, vận động về công tác dân số

Công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục được duy trì và mở rộng theo phương châm xã hội hóa, huy động có hiệu quả các tổ chức, cá nhân tham gia vào việc tuyên truyền vận động nhằm đưa chính sách DS-KHHGĐ vào đời sống xã hội; thông qua nhiều hình thức, nhiều kênh, chuyển tải thông tin trên các phương tiện truyền thông đại chúng (phát thanh, truyền hình, phát tờ rơi, phát tờ bướm...); tuyên truyền trực tiếp qua các hội nghị của các ban ngành, đoàn thể..., qua các đợt chiến dịch SKSS/KHHGĐ, đặc biệt là tư vấn nhóm nhỏ tại các thôn, làng nhất là những nơi có tỷ lệ sinh con thứ 3 có nguy cơ gia tăng.

Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Phòng Dân số - Trung tâm Y tế lập kế hoạch phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể phổ biến truyền đạt lại Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới. Đồng thời, xuống từng xã truyền đạt cho các cán bộ chủ chốt ở xã với hơn 200 lượt người tham dự. Tổ chức truyền đạt cho viên chức dân số-KHHGĐ xã và toàn bộ cộng tác viên với số người tham gia là 126 người. Ngoài ra, nhân ngày Dân số Việt Nam 26/12, ngày Dân số Thế giới 11/7, và các đợt triển khai chiến dịch tăng cường tuyên truyền, vận động lồng ghép dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGĐ cho hơn 9.000 lượt người nghe.

Việc tổ chức các đợt chiến dịch truyền thông, kết hợp tuyên truyền vận động, tư vấn, với cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình được thực hiện thường xuyên. Công tác truyền thông, vận động, giáo dục đã góp phần làm chuyển biến nhận thức, nâng cao ý thức và hành vi của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong việc thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình.

3. Thực hiện các chính sách về dân số

Chính sách dân số theo Nghị quyết số 21-NQ/TW chỉ đạo tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Các chính sách dân đang hướng đến sự cân bằng, hài hoà giữa quyền và nghĩa vụ của mọi người dân; việc tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi được quan tâm mở rộng; các ứng dụng kỹ thuật mới, chất lượng dịch vụ không ngừng được cải thiện, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân.

- Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng, chế độ chính sách với người cao tuổi nhất là đối với các cụ từ 80 tuổi trở lên ngày càng được quan tâm nhiều hơn (các cụ được trợ cấp 360.000đ/người/tháng).

- Khuyến khích mỗi cặp vợ chồng chỉ sinh từ 01 đến 02 con nhất là đối với phụ nữ hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

- Nghị định 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ được ban hành đã góp phần thay đổi quan niệm sinh đẻ của nhân dân; theo quy định của Nghị định, chỉ hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số với mức trợ cấp 2.000.000 đồng/trường hợp (từ năm 2018-2021 toàn huyện có 22 trường hợp đăng ký và được hỗ trợ với tổng kinh phí 44.000.000đồng, không có trường hợp nào vi phạm chính sách dân số mà bị thu hồi lại kinh phí hỗ trợ), từ đó đã góp phần giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên.

4. Nâng cao chất lượng về dịch vụ dân số

Ủy ban nhân dân huyện luôn quan tâm, chỉ đạo cơ quan chức năng Phòng Dân Số tiếp tục thực hiện nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dân số. Thông qua các mô hình, đề án nâng cao chất lượng dân số như mô hình tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh; can thiệp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn; tư vấn và chăm sóc người cao tuổi dựa vào cộng đồng; mô hình xã, phường, cụm dân cư không có người sinh con thứ 3 trở lên,... được triển khai tích cực, trong đó, ưu tiên cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng nghèo, vùng khó khăn và các nhóm đối tượng thiệt thòi.

Các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hoá gia đình được quan tâm: Hoạt động nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD với các nội dung và hình thức phù hợp trong khuôn khổ chăm sóc sức khỏe ban đầu, hạn chế đến mức thấp nhất tỷ lệ tử vong bà mẹ, trẻ em, tỷ lệ có thai ngoài ý

muốn, giảm mạnh nạo thai, hút thai, đặc biệt nạo thai, hút thai ở vị thành niên-thanh niên, góp phần nâng cao chất lượng dân số.

5. Kiến toàn bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số

Từ khi sáp nhập vào Trung tâm Y tế đến nay có sự thay đổi về số lượng, nhân lực làm công tác dân số; tuyến huyện chỉ có 04 viên chức (trong khi quy định Thông tư 05/2008/TT-BYT là 06 VC). Đội ngũ cán bộ làm công tác DS-KHHGĐ cấp huyện còn hạn chế về năng lực chuyên môn, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý và điều phối các lĩnh vực công tác của chương trình DS- KHHGĐ. Cán bộ dân số xã kiêm nhiều công việc, nhất là từ khi có dịch Covid-19 chủ yếu làm công tác phòng chống dịch bệnh; cộng tác viên (CTV) DS thôn, làng chất lượng không đồng đều, thiếu ổn định. Khối lượng công việc nhiều, phụ cấp thấp, dẫn đến biến động về đội ngũ, ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện chương trình DS-KHHGĐ của huyện.

- Công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực, thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ dân số các cấp được quan tâm đầu tư. Cấp trên thường xuyên mở các lớp tập huấn cho đội ngũ viên chức huyện, xã và CTV thôn làng về công tác DS-KHHGĐ. Đội ngũ viên chức DS huyện, xã tích cực học tập các lớp lý luận chính trị và nghiệp vụ chuyên môn, đến nay có 8/10 viên chức DS sắp tốt nghiệp cao đẳng và đại học.

6. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Chương trình 60-CTr/TU

- Công tác giảm sinh, giảm tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên tiến tới duy trì vững chắc mức sinh thay thế; quy mô dân số 58.556 người (*số liệu theo ước tính đến 30/6/2021 của Chi cục Thống kê huyện*). Cơ cấu dân số chuyển dịch tích cực.

- Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai đạt 80% (mục tiêu 100%); giảm 40% số vị thành niên và thanh niên có thai ngoài ý muốn. Tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại hằng năm tăng từ 60% năm 2018 lên 68% năm 2020 (mục tiêu trên 80%).

- Tỷ số giới tính khi sinh cụ thể như sau:

+ Năm 2018 Số trẻ sinh ra trong năm có 867 trẻ, trong đó, có 427 bé trai và 440 bé gái; Tỷ số giới tính khi sinh 97 bé trai/100 bé gái.

+ Năm 2019: Số trẻ sinh ra trong năm có 356 trẻ, trong đó, có 164 bé trai và 192 bé gái; Tỷ số giới tính khi sinh 85,41 bé trai/100 bé gái.

+ Năm 2020: Số trẻ sinh ra có 1.145 trẻ, trong đó, có 579 bé trai và 566 bé gái; Tỷ số giới tính khi sinh 102 bé trai/100 bé gái.

+ 09 tháng đầu năm 2021: Số trẻ sinh ra có 855 trẻ, trong đó, có 441 bé trai và 414 bé gái, tỷ số giới tính khi sinh 106 bé trai/100 bé gái (mục tiêu dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống).

- Giảm số cặp tạo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, trong 03 năm (2018-2020) đã tổ chức tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân cho 120 vị thành niên/thanh niên tại 02 xã Ia Broãi và xã Pờ Tó. Nhìn chung, tất cả vị thành niên/thanh niên được khám không có thanh niên nào mắc các bệnh hiểm nghèo và đều có sức khỏe bình thường.

- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 04 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt trên 70%; tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 05 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất đạt gần 90%.

- Tuổi thọ bình quân đạt 73 tuổi (mục tiêu đạt 75 tuổi); chú trọng nâng cao chất lượng sống người dân; tỷ lệ người cao tuổi có thẻ BHYT đạt trên 90%, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

- Chiều cao theo tiêu chí của người Việt Nam có bước cải thiện, 18 tuổi đối với nam đạt 168,5 cm, nữ đạt 157,5 cm.

- 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất theo quy mô toàn quốc.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG, TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Ưu điểm

Trong những năm qua, triển khai thực hiện Chương trình 60-CTr/TU, ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về "Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới" trên địa bàn huyện Ia Pa đã đạt được nhiều kết quả khả quan; việc triển khai các chiến dịch tăng cường tuyên truyền, vận động lồng ghép cung cấp dịch vụ KHHGĐ/SKSS, truyền thông tư vấn sức khỏe sinh sản cho phụ nữ, học sinh, người cao tuổi... trên địa bàn các xã được quan tâm, đã từng bước nâng cao nhận thức người dân về sinh ít con để chăm lo gia đình no ấm, hạnh phúc; sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, các cấp, chính quyền địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các hội, đoàn thể và sự nỗ lực của đội ngũ công chức, viên chức, nhân viên làm công tác DS-KHHGĐ các cấp đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức triển khai thực hiện công tác DS-KHHGĐ phát triển và đạt kết quả khả quan.

2. Hạn chế

- Công tác chăm sóc bảo vệ bà mẹ, trẻ em còn lơ là, nên tỷ lệ chị em phụ nữ mắc bệnh phụ khoa còn cao.

- Một số nơi tỷ lệ sinh tự nhiên, tỷ lệ sinh con thứ 3 cao.

- Tổ chức bộ máy làm công tác DS từ huyện tới cơ sở vẫn chưa hoàn thiện, thiếu ổn định.

- Chất lượng dân số chưa đáp ứng được các yêu cầu về nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên chưa được quan tâm đúng mức; tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh đang diễn biến phức tạp và có chiều hướng tăng.

- Việc xử lý người vi phạm chính sách dân số chưa nghiêm, chưa thống nhất, thiếu đồng bộ và biện pháp chế tài, xử lý người vi phạm chính sách dân số chưa đủ mạnh để giáo dục và răn đe. Cán bộ, đảng viên còn vi phạm chính sách dân số, chưa làm gương cho nhân dân.

3. Nguyên nhân

Huyện Ia Pa là huyện nghèo, trình độ nhận thức của một bộ phận người dân ở một số vùng còn thấp; sự phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể ở cơ sở còn thiếu đồng bộ, trách nhiệm chưa cao; một số viên chức dân số-KHHGD xã và cộng tác viên DS-KHHGD năng lực còn hạn chế, nên trong công tác thực hiện triển khai còn lúng túng. Thù lao cho cộng tác viên còn thấp.

Quy mô gia đình ít con (từ 01 đến 02 con) chưa được đa số chấp nhận, tư tưởng đông con và phải có con trai đối với người kinh; có con gái đối với người dân tộc tại chỗ vẫn còn trong một bộ phận người dân, thậm chí là cán bộ CNVC, đảng viên nên tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên còn cao.

IV. NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CHƯƠNG TRÌNH SỐ 60-CTr/TU TRONG THỜI GIAN ĐẾN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp. Thống nhất nhận thức của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội về tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách từ tập trung vào KHHGD sang giải quyết toàn diện các vấn đề quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Đưa công tác dân số, đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số thành một nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp. Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các yếu tố dân số trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của các cấp, các ngành. Phát huy tối đa lợi thế dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số.

Tăng cường phối hợp liên ngành, phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban, ngành, đoàn thể, nhân dân và của cả cộng đồng trong công tác dân số. Phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng đối với từng ngành, từng cơ quan, đoàn thể trong thực hiện các mục tiêu, giải pháp, đặc biệt là trong việc thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động về công tác dân số, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khỏe và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Đề cao tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chủ trương, chính sách về công tác dân số, nhất là sinh đủ 2 con, chú trọng nuôi dạy con tốt, gia đình hạnh phúc, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

2. Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, vận động và truyền thông đại chúng về dân số theo hướng chủ động nâng cao chất lượng dân số và phát triển, phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng vùng, trong đó chú trọng tuyên truyền, giáo dục, vận động ở các xã có đông bào người dân tộc thiểu số sinh sống, công nhân khu công nghiệp...

Tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ 2 con, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới; đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Tạo chuyển biến rõ nét ở những địa bàn có tỷ số giới tính khi sinh cao.

Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới, nêu cao vai trò và vị thế của người phụ nữ trong xã hội cũng như trong gia đình; đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, tuyên truyền “ng nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức”, tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động về lựa chọn giới tính khi sinh.

Tăng cường xã hội hóa về dân số và phát triển: khám sức khỏe tiền hôn nhân; khám sức khỏe trước khi quyết định có thai; thực hiện tầm soát, sàng lọc chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; chấp nhận phương tiện tránh thai và dịch vụ hàng hóa sức khỏe sinh sản theo hình thức xã hội hóa.

Tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân xóa bỏ tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ở đồng bào dân tộc thiểu số góp phần nâng cao chất lượng dân số.

Vận động mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, có chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khỏe và tầm vóc, tạo thành phong trào thường xuyên ở các địa phương. Nâng cao nhận thức, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về cư trú.

Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường. Hình thành kiến thức và kỹ năng về dân số, sức khỏe sinh sản đúng đắn, có hệ thống ở thế hệ trẻ.

3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số

Rà soát, điều chỉnh các quy định về chính sách dân số cho phù hợp với tình hình mới. Nâng cao hiệu lực pháp lý trong quản lý và tổ chức thực hiện chính sách dân số, bảo đảm đầy đủ quyền và nghĩa vụ người dân, triển khai toàn diện nội dung của công tác dân số. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm về công tác dân số.

Ngăn ngừa có hiệu quả việc lạm dụng khoa học - công nghệ để lựa chọn giới tính thai nhi. Đẩy mạnh công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Tăng cường về bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội; xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của người sử dụng lao động và người lao động cao tuổi. Tích cực, chủ động xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi.

Thực hiện có hiệu quả chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đồng bào dân tộc thiểu số.

4. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số

Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số toàn diện về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân cư.

Tiếp tục củng cố mạng lưới dịch vụ KHHGĐ. Tích cực triển khai thực hiện việc tầm soát chẩn đoán sớm bệnh, tật trước sinh, sơ sinh. Hỗ trợ sinh sản, tư vấn kiểm tra sức khỏe trước hôn nhân; tăng cường hợp tác với cơ sở cung cấp dịch vụ ngoài công lập đủ điều kiện; đổi mới phương pháp cung cấp, đưa dịch vụ đến tận cơ sở y tế gần dân nhất.

Từng bước phát triển chuyên ngành lão khoa trong các cơ sở y tế công lập. Có cơ chế thỏa đáng để khuyến khích phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi; cơ sở cung cấp các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, văn hóa, giải trí của người cao tuổi.

Ưu tiên đầu tư nguồn lực nhà nước, đồng thời huy động nguồn lực xã hội phát triển các cơ sở cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản, bảo đảm các nhóm dân số đặc thù như trẻ em thiệt thòi, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi không nơi nương tựa, đồng bào dân tộc ít người, người di cư... đều thực sự bình đẳng về cơ hội tham gia, thụ hưởng thành quả phát triển.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu về dân số và phát triển, nhất là các vấn đề mới, chú trọng về cơ cấu, chất lượng phân bố dân số và lồng ghép yếu tố dân số vào kế hoạch phát triển từng ngành, từng địa phương.

5. Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số

Bảo đảm đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước hằng năm và từng giai đoạn (*bao gồm ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác...*) cho công tác dân số, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao... nhằm nâng cao chất lượng dân số, đời sống mọi mặt của nhân dân, nhất là đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số.

Đẩy mạnh xã hội hóa, có chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất, phân phối, cung ứng các phương tiện, dịch vụ... trong lĩnh vực dân số.

Phát triển thị trường, đa dạng hóa các gói bảo hiểm, bao gồm bảo hiểm nhà nước, bảo hiểm thương mại với nhiều mệnh giá tương ứng với các gói dịch vụ khác nhau để các nhóm dân số đặc thù đều bình đẳng trong việc tham gia và thụ hưởng các dịch vụ phúc lợi, an sinh xã hội.

6. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số từ huyện đến xã theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, đảm bảo sự chỉ đạo trực tiếp về chuyên môn nghiệp vụ từ cơ quan chuyên môn cấp trên; phối kết hợp với các đơn vị y tế trên địa bàn, đảm bảo công tác tuyển dụng nhân lực đáp ứng được nhu cầu trong giai đoạn mới cho mạng lưới và tổ chức bộ máy làm công tác dân số KHHGD từ huyện đến xã; đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, đồng thời thực hiện quản lý chuyên môn thống nhất. Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng, nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ cộng tác viên dân số - sức khỏe cộng đồng.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ dân số các cấp, đáp ứng yêu cầu chuyển hướng sang chính sách dân số và phát triển. Đưa nội dung dân số và phát triển vào chương trình đào tạo, tập huấn, nghiên cứu khoa học.

Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành nhằm tăng cường chỉ đạo, điều phối hoạt động của các ngành, cơ quan có chức năng quản lý các lĩnh vực liên quan đến dân số và phát triển.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp dịch vụ, tạo thuận lợi cho người dân. Triển khai thực hiện đăng ký dân số và cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất dùng chung, đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội. Cung cấp số liệu đầy đủ, tin cậy và dự báo dân số chính xác phục vụ việc lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

7. Tăng cường hợp tác vùng miền

Tăng cường vận động, kêu gọi các nguồn lực của các tổ chức chính trị - xã hội hỗ trợ các hoạt động trong lĩnh vực dân số. Tích cực tham gia các mối liên kết giao lưu giữa các vùng, miền chia sẻ, học tập kinh nghiệm để thực hiện tốt các mục tiêu liên quan đến công tác dân số của huyện.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình 60-CTr/TU, ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về "Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới", Ủy ban nhân dân huyện Ia Pa báo cáo Thường trực Huyện ủy biết, tiếp tục chỉ đạo. *Truyện*

Nơi nhận:

- Sở Y tế tỉnh (B/C);
- Thường trực huyện ủy;
- Ban Tuyên giáo HU;
- Các ban ngành, đoàn thể liên quan;
- UBND các xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ksor Suy